

Số: 05/2025/QĐST-HNGĐ

ST, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Đinh Văn T2, sinh ngày 15-5-1988;

Địa chỉ: Thôn NK, xã ST1, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

Chị Đinh Thị T, sinh ngày 25-10-1994;

Địa chỉ: Thôn NK, xã ST1, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Đinh Văn T2 và chị Đinh Thị T đã thật sự tự nguyện ly hôn.

[2] Anh Đinh Văn T2 và chị Đinh Thị T đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và các vấn đề khác.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn T2 và chị Đinh Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đinh Văn T2 và chị Đinh Thị T có 02 (hai) con chung là cháu Đinh Thị N, sinh ngày 19-5-2011, cháu Đinh Thị Nh, sinh ngày 28-5-

2016, hiện nay các cháu N, Nh đang ở cùng với anh Đinh Văn T2. Khi ly hôn chị T và anh T2 thỏa thuận giao các cháu N, Nh cho anh T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi các cháu N, Nh đủ 18 (mười tám) tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Đinh Văn T2 và chị Đinh Thị T tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đinh Văn T2 và chị Đinh Thị T đều trình bày không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đinh Thị T thỏa thuận chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh T2, chị T (do chị T đại diện) đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000797 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện ST;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện ST;
- UBND xã ST1, huyện ST;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Văn Bim